



BẢN TIN

# Tài nguyên nước

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
CỤC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC



SỐ 05 2024



# Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước

Ngày 16/5, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023.

**N**ghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định chi tiết Điều 7, khoản 5 Điều 9, Điều 10, khoản 5 Điều 17, Điều 19, khoản 9 Điều 23, Điều 30, khoản 5 Điều 31, Điều 35, khoản 3 Điều 37, khoản 10 Điều 38, khoản 3 Điều 51, khoản 10 Điều 63, khoản 6 Điều 66, khoản 5 Điều 71, khoản 5 Điều 81 của Luật Tài nguyên nước. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động liên quan đến tài nguyên nước trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

## 4 yêu cầu của hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước

Điều 4 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP nêu rõ các yêu cầu của hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước. Cụ thể, hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật Tài nguyên nước phải đáp ứng 4 yêu cầu sau:

Thứ nhất, các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước được thực hiện theo đề án, dự án và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, nghiệm thu và phê duyệt kết quả thực hiện theo quy định.

Thứ hai, căn cứ mục tiêu phạm vi, quy mô của đề án, dự án và đặc điểm cụ thể của từng vùng điều tra, cơ quan phê duyệt đề án, dự án quyết định các nội dung công việc, khối lượng, sản phẩm cụ thể của từng đề án, dự án trên nguyên tắc bảo đảm tính kế thừa và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả kinh phí đề án, dự án. Nội dung, định mức, đơn giá điều tra cơ bản tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thứ ba, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và đáp ứng được các mục tiêu của đề án, dự án.

Thứ tư, thông tin dữ liệu, kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước phải được rà soát, cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định.

## Điều tra, đánh giá tài nguyên nước

Điều 5 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP cũng quy định, hoạt động điều tra, đánh giá tài nguyên nước quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 của Luật Tài nguyên nước bao gồm các hoạt động sau đây:

1. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt được thực hiện trên sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá tự nhiên và nhân tạo gồm một hoặc một số hoạt động sau đây: Điều tra, đánh giá đặc trưng hình thái sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ, ao, đầm, phá; điều tra, đánh giá số lượng, chất lượng nước mặt; Điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước mặt; Điều tra, đánh giá khả

năng chịu tải của nguồn nước mặt; Điều tra, xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối; điều tra, phân vùng chức năng nguồn nước mặt.

2. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất gồm một hoặc một số hoạt động sau đây: Điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng nước dưới đất theo các tỷ lệ 1:200.000; 1:100.000; 1:50.000; 1:25.000; Điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất; Điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước dưới đất; Điều tra, khoanh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; Điều tra, xác định khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

3. Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

4. Điều tra, xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

5. Điều tra, đánh giá phục vụ lập bản đồ phân vùng nguy cơ hạn hán, thiếu nước.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các hoạt động sau: Điều tra, đánh giá đối với các hoạt động quy định tại khoản 1, điểm a và điểm c khoản 2, khoản 3 và khoản 4 nêu trên trên phạm vi liên tỉnh; Điều tra, đánh giá đối với các hoạt động quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 5 của Nghị định.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các hoạt động sau đây: Điều tra, đánh giá đối với các hoạt động quy định tại khoản 1, điểm a và điểm c khoản 2, khoản 3 và khoản 4 nêu trên trên địa bàn tỉnh; Điều tra, đánh giá đối với các hoạt động quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 5 của Nghị định.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định chi tiết về các nội dung khác như về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước; lập quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước và ngưỡng khai thác nước dưới đất, khoanh vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất; điều hòa, phân phối tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục tác hại do nước gây ra và hạch toán tài nguyên nước; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và quy định về quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước; ...

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. ❖

Nguồn: DWRM



# Nghị định quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Ngày 16/5, Chính phủ đã ban hành Nghị định 54/2024/NĐ-CP Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

## Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước

Theo đó, Chính phủ quy định: Lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan về tác động của công trình khai thác nước.

Cụ thể, đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác nước theo quy định tại khoản 8 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước, bao gồm: trưởng thôn, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, tổ trưởng tổ dân phố và điểm dân cư tương tự hoặc người được cộng đồng dân cư thỏa thuận cử ra, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước chịu ảnh hưởng của việc khai thác nước của dự án.

Theo đó, các dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác nước có ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của Nhân dân trên địa bàn phải lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư quy định tại điểm a khoản 8 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước bao gồm:

1- Hồ chứa, đập dâng xây dựng trên sông, suối, kênh, mương, rạch.

2- Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác quy định tại điểm a khoản này với mục đích tạo nguồn, ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan.

3- Công trình khai thác nước mặt không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này có quy mô khai thác từ 10 m<sup>3</sup>/giây trở lên cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; từ 300.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên cho mục đích sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ, sản xuất (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), thi công xây dựng công trình.

4- Công trình khai thác nước dưới đất có quy mô khai thác nước từ 12.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.

## Điều kiện được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

Tại Điều 31 của Nghị định quy định, tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất phải có đủ các điều kiện sau đây:

1- Có quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền hoặc một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhóm cá



nhân, hộ gia đình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

2- Người đứng đầu tổ chức hoặc người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân hành nghề (sau đây gọi chung là người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật) phải đáp ứng các điều kiện sau:

Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ: Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất, khoan hoặc công nhân khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên; trường hợp không có một trong các văn bằng quy định nêu trên thì đã trực tiếp thi công ít nhất 3 công trình khoan nước dưới đất;

Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa: Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất, khoan. Đồng thời, đã trực tiếp tham gia lập tối thiểu 01 đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất 3 công trình khoan nước dưới đất có lưu lượng từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.

Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn: Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành địa chất, khoan. Đồng thời, đã trực tiếp tham gia lập tối thiểu 3 đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất 3 công trình khoan nước dưới đất có lưu lượng từ 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.

Nghị định cũng quy định cụ thể về: Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất; Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất; ...

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. ❖

**Nguồn: DWRM**

**Bản tin tài nguyên nước [3]**



# Thông tư Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước

Ngày 16/5, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) đã ban hành Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

**T**hông tư gồm 5 Chương, 36 Điều. Cụ thể, Chương I: Quy định chung; Chương II: Phân vùng chức năng nguồn nước mặt; xác định và tổ chức việc công bố vùng bảo vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; Chương III: Xác định, điều chỉnh dòng chảy tối thiểu; Chương IV: Bảo vệ nước dưới đất; Chương V: Điều khoản thi hành.

## Nguyên tắc phân vùng chức năng nguồn nước

Điều 3 của Thông tư quy định: Nguyên tắc phân vùng chức năng nguồn nước phải đảm bảo tính hệ thống trong lưu vực sông, phù hợp với ranh giới hành chính cấp tỉnh.

Phù hợp với hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước và nhu cầu khai thác, sử dụng nước được xác định trong quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Việc phân vùng chức năng nguồn nước phải được xem xét tổng thể về giá trị, lợi ích mà nguồn nước mang lại, mức độ ưu tiên phải bảo vệ và thuận lợi trong việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ nguồn nước.

Hài hòa lợi ích trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước giữa các khu vực, các địa phương, giữa thượng lưu và hạ lưu, giữa các đối tượng khai thác, sử dụng nước; bảo đảm việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hiệu quả, duy trì sự phát triển bình thường của hệ sinh thái thủy sinh.

## Các trường hợp phải xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt

Công trình khai thác nước để cấp nước cho sinh hoạt hoặc cấp nước cho nhiều mục đích, trong đó có cấp nước cho sinh hoạt (gọi chung là công trình khai thác nước để cấp cho sinh hoạt) của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì phải xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, bao gồm: (1) Công trình khai thác nước mặt có quy mô trên 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm; (2) Công trình khai thác nước dưới đất có quy mô trên 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

## Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước mặt

1. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước mặt trên sông, suối, kênh, mương, rạch để cấp cho sinh hoạt là vùng thượng lưu, hạ lưu tính từ vị trí khai thác nước của công trình (bao gồm cả phần phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước sông, suối, kênh, mương, rạch mà công trình đó khai thác), được quy

định như sau:

a. Trường hợp công trình khai thác nước có quy mô trên 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm thì phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt không nhỏ hơn 1.000 m về phía thượng lưu và không nhỏ hơn 100 m về phía hạ lưu đối với khu vực miền núi; không nhỏ hơn 800 m về phía thượng lưu và không nhỏ hơn 200 m về phía hạ lưu đối với khu vực đồng bằng, trung du;

b. Trường hợp công trình khai thác nước có quy mô từ 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên thì phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt không nhỏ hơn 1.500 m về phía thượng lưu và không nhỏ hơn 100 m về phía hạ lưu đối với khu vực miền núi; không nhỏ hơn 1.000 m về phía thượng lưu và không nhỏ hơn 200 m về phía hạ lưu đối với khu vực đồng bằng, trung du.

2. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước mặt từ hồ chứa, đập dâng để cấp cho sinh hoạt được tính từ vị trí khai thác nước của công trình và được quy định như sau:

a. Không nhỏ hơn 1.500 m từ vị trí khai thác nước đối với trường hợp công trình khai thác nước từ hồ chứa, đập dâng trên sông, suối và không vượt quá chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa, phạm vi bảo vệ đập.

b. Toàn bộ khu vực lòng hồ đối với trường hợp công trình khai thác nước từ hồ chứa khác với quy định tại điểm a khoản này.

## Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước dưới đất

Đối với công trình khai thác nước dưới đất trong tầng chứa nước có áp thì phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt được xác định cho từng giếng khai thác và không nhỏ hơn 3 m tính từ miệng giếng.

Đối với công trình khai thác nước dưới đất trong tầng chứa nước không áp thì phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt được xác định cho từng giếng khai thác và không nhỏ hơn 20 m tính từ miệng giếng.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định cụ thể về xác định, điều chỉnh dòng chảy tối thiểu; bảo vệ nước dưới đất (kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; bổ sung nhân tạo nước dưới đất; bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò khai thác nước dưới đất);...

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. ❖



# Thông tư Quy định việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước và thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước

Ngày 16/5, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) đã ban hành Thông tư số 04/2024/TT-BTNMT về Quy định việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước và thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước.

**Đ**iều 5 của Thông tư quy định, nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước như sau: Phải tuân thủ theo pháp luật; dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; kịp thời, chính xác. Thực hiện theo kế hoạch kiểm tra; theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc khi phát hiện dấu hiệu vi phạm. Có trọng tâm, trọng điểm, tránh chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, thời gian và đối tượng với hoạt động thanh tra, kiểm tra cùng lĩnh vực; không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra.

Về hình thức và nội dung kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước: Thông tư nêu rõ, kiểm tra theo kế hoạch được tiến hành theo kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt. Kế hoạch kiểm tra bao gồm kế hoạch kiểm tra của các Bộ: TN&MT, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Y tế và kế hoạch kiểm tra của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi có một trong các căn cứ sau: (1) Có chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; (2) Khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tài nguyên nước qua thông tin, số liệu quan trắc, giám sát, báo cáo của tổ chức, cá nhân, gồm: thông tin, dữ liệu quan trắc, giám sát từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; hệ thống theo dõi, vận hành hồ chứa của cơ quan quản lý; báo cáo định kỳ hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân; thông tin số liệu thu được trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất và hồ sơ kê khai, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước hoặc trong quá trình tiếp nhận kê khai, đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các nguồn thông tin khác của cơ quan quản lý có liên quan; (3) Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm gây suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; sụt, lún đất; gây lũ nhân tạo đột ngột, bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; (4) Phản ánh, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, các phương tiện truyền thông, thông tin và các nguồn thông tin khác.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các Bộ, Ủy



ban nhân dân cấp tỉnh xác định nội dung kiểm tra trong kế hoạch kiểm tra hằng năm phù hợp với quy định của Luật Tài nguyên nước.

Điều 19 của Thông tư cũng nêu, kết quả thẩm định, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước là căn cứ để thẩm định, phê duyệt kết quả và quyết toán dự án hoàn thành.

Kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước sau khi thẩm định, nghiệm thu phải được cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, nộp lưu trữ theo quy định.

Thực hiện thẩm định, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước dựa trên đề cương dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh và căn cứ vào quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật của dự án, kế hoạch, tiến độ thực hiện; đảm bảo khách quan, trung thực, các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước đối với các tài liệu, số liệu mật, bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan.

Thời gian thẩm định, nghiệm thu phải phù hợp với kế hoạch dự toán và tiến độ nghiệm thu quyết toán dự án theo quy định.

Các dự án có hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước không sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, khuyến khích áp dụng việc thẩm định, nghiệm thu theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. ❖

Nguồn: DWRM

Bản tin tài nguyên nước [5]



# Thông tư quy định việc di chuyển, thay đổi vị trí, giải thể trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất

Ngày 16/5, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 05/2024/TT-BTNMT quy định việc di chuyển, thay đổi vị trí, giải thể trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất.

**T**hông tư gồm 5 Chương, 17 Điều. Cụ thể, Chương I: Quy định chung; Chương II: Di chuyển, thay đổi vị trí trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất; Chương III: Giải thể trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất; Chương IV: Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; Chương V: Điều khoản thi hành.

## **Nguyên tắc di chuyển, thay đổi vị trí, giải thể trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất**

Theo Thông tư, việc di chuyển, thay đổi vị trí, giải thể trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất phải tuân thủ các quy định của pháp luật và có tính kế thừa về quản lý tài sản công, tài chính và tổ chức bộ máy, nhân sự của các tổ chức công lập được giao thực hiện nhiệm vụ; phù hợp với xu thế, yêu cầu của từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

Khi di chuyển, thay đổi vị trí, giải thể trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất phải xem xét lồng ghép tối đa với mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan để đảm bảo kế thừa, tận dụng cơ sở vật chất kỹ thuật và đội ngũ quan trắc viên hiện có.

Vị trí di chuyển, thay đổi phải phù hợp với quy hoạch; đảm bảo tính kết nối, đồng bộ của chuỗi dữ liệu quan trắc; đảm bảo cung cấp thông tin, dữ liệu về đối tượng quan trắc phục vụ công tác quản lý Nhà nước.

Tổ chức, cá nhân có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất không còn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, phải di chuyển, thay đổi vị trí hoặc giải thể có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **Quy trình thực hiện di chuyển, thay đổi vị trí, giải thể trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất**

Điều 5 của Thông tư quy định quy trình thực hiện di chuyển, thay đổi vị trí, giải thể trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất như sau:

Đơn vị được giao quản lý vận hành lập báo cáo đánh giá hiện trạng và đề xuất phương án xử lý trình cơ quan có thẩm quyền quyết định;

Cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định phê duyệt chủ trương, báo cáo, kế hoạch di chuyển, thay đổi vị trí hoặc giải thể trạm quan trắc và giao nhiệm vụ cho đơn vị thực hiện;

Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc di chuyển, thay đổi vị trí, giải thể trạm quan trắc theo quyết định được phê duyệt;

Thực hiện kết nối, cập nhật thông tin, dữ liệu trạm quan trắc vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

## **Các trường hợp trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất**



## **phải di chuyển, thay đổi vị trí**

Điều 6 của Thông tư quy định về các trường hợp trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất phải di chuyển, thay đổi vị trí như sau: (1) Có quyết định thu hồi đất phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong đó có thu hồi diện tích đất xây dựng trạm quan trắc; (2) Trạm quan trắc bị hư hỏng không thể khắc phục sửa chữa để đáp ứng mục đích quan trắc; (3) Do các tác động tự nhiên, hoạt động kinh tế - xã hội dẫn đến trạm quan trắc không còn đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ thiết kế.

## **Điều kiện để xem xét quyết định về vị trí di chuyển, thay đổi trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất**

Thông tư cũng quy định, điều kiện để xem xét quyết định về vị trí di chuyển, thay đổi trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất như sau: Vị trí thay thế không làm thay đổi đối tượng quan trắc; có tính tương đồng về điều kiện địa chất thủy văn; không làm thay đổi tính thống nhất của mạng lưới quan trắc; Vị trí thay thế đảm bảo tính ổn định, lâu dài về điều kiện đất đai.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định các nội dung cụ thể về tổ chức thực hiện di chuyển, thay đổi vị trí trạm quan trắc; Hồ sơ di chuyển, thay đổi vị trí và đưa vào vận hành trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất.

Thông tư cũng quy định trách nhiệm các cơ quan, đơn vị địa phương trong việc di chuyển, thay đổi vị trí, giải thể trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất; Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân;...

Về quy định chuyển tiếp, thông tư nêu rõ, đối với những trạm quan trắc tài nguyên nước được di chuyển, thay đổi vị trí và giải thể trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. ❖

*Nguồn: DWRM*

# Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn triển khai Luật Tài nguyên nước

Ngày 23/5, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Văn bản số 3263/BTNMT-TNN gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai thực hiện các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15.

**B**ộ Tài nguyên và Môi trường cho biết, ngày 27/11/2023, Quốc hội đã thông qua Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, để quy định chi tiết thi hành Luật, ngày 16/5/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, Nghị định số 54/2024/NĐ-CP quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Đồng thời, ngày 16/5/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã ban hành 03 Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật (Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Thông tư số 04/2024/TT-BTNMT quy định việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước và thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; Thông tư số 05/2024/TT-BTNMT quy định việc di chuyển, thay đổi vị trí, giải thể trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất). Các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên có hiệu lực đồng thời với thời điểm Luật Tài nguyên nước có hiệu lực, ngày 01/7/2024.

Để triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước, đồng thời tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước 2023, Bộ TN&MT trân trọng đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các sở, ban ngành có liên quan, huyện, xã tập trung nghiên cứu, quán triệt, tập huấn và tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện truyền thông hoặc các hình thức phù hợp khác, trong đó tập trung phổ biến đến các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh để bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định của Luật, 2 Nghị định và 3 Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật.

Cùng với đó, Bộ đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các sở, ban ngành có liên quan rà soát, hoàn thiện các quy định có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước ở địa phương đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT, Thông tư số 04/2024/TT-BTNMT, Thông tư số 05/2024/TT-BTNMT trong đó lưu ý đến các quy định liên quan đến vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (Công văn 3201/BTNMT-TNN ngày 20/5/2024); lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn

nước; điều hoà, phân phối tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục tác hại do nước gây ra, cấp, gia hạn, điều chỉnh... giấy phép về tài nguyên nước; phân vùng chức năng nguồn nước mặt; xác định, tổ chức việc công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; xác định, điều chỉnh dòng chảy tối thiểu; bảo vệ nước dưới đất...

Bộ TN&MT cũng đề nghị UBND các tỉnh, thành phố tiếp tục chỉ đạo rà soát, đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc trường hợp phải đăng ký hoặc phải có giấy phép khẩn trương thực hiện thủ tục đăng ký hoặc nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật; Chỉ đạo rà soát, đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước đã được cấp giấy phép thuộc trường hợp phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mà chưa nộp hồ sơ kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước khẩn trương thực hiện nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật nhằm đảm bảo tính nghiêm minh, bình đẳng của pháp luật, tránh thất thoát tài nguyên và thất thu ngân sách Nhà nước.

UBND tỉnh, thành phố chỉ đạo UBND cấp huyện xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất; UBND cấp xã tiếp nhận kê khai việc khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. Căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện, nguồn lực, điều kiện thực tế và tình hình cụ thể, quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho Sở TN&MT cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Bộ TN&MT đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố khẩn trương cập nhật thông tin của giấy phép tài nguyên nước tại địa chỉ <https://gstnn-gp.monre.gov.vn> như đã đề nghị tại Văn bản số 638/BTNMT-TNN ngày 10/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (đối với các Sở chưa cập nhật) và tiếp tục cập nhật chậm nhất sau 5 ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành đối với các giấy phép mới do UBND tỉnh cấp (đối với các Sở đã cập nhật). ❖

**Nguồn: DWRM**



# Vận hành các hồ chứa trên lưu vực sông Hồng thời điểm cuối mùa cạn năm 2024

**Đ**ể bảo đảm an toàn phòng lũ, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước, tối ưu hệ thống điện, Bộ Tài nguyên và Môi trường vừa có Công văn số 3274/BTNMT-TNN gửi Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc vận hành các hồ chứa trên lưu vực sông Hồng trong thời gian cuối mùa cạn năm 2024.

Hiện nay, lưu vực sông Hồng đang trong thời kỳ cuối mùa cạn, chuẩn bị sang mùa lũ theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 740/QĐ-TTg ngày 17/6/2019. Mục nước hiện tại của các hồ chứa ngày 21/5/2024 đều đang ở mức cao, trong đó mực nước của các hồ Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang cao hơn mực nước tối thiểu quy định tại Phụ lục III của Quy trình từ 6,6m đến 25,8m; tổng dung tích trữ của các hồ chứa trên lưu vực khoảng 14,6 tỷ m<sup>3</sup> (chiếm khoảng 77% so với tổng dung tích hữu ích).

Hiện tại, mực nước các hồ đều đang cao hơn so với mực nước cao nhất thời kỳ lũ sớm (từ ngày 15/6 đến 19/7) như

sau: hồ Sơn La đạt 211,95m (cao hơn 11,95m), hồ Hòa Bình đạt 108,8m (cao hơn 3,8m), hồ Tuyên Quang (cao hơn 10,74m), hồ Thác Bà đạt 53,24m (thấp hơn 2,76m).

Vi vậy, để đảm bảo an toàn phòng lũ, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước, tối ưu hệ thống điện, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Bộ Công Thương chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các chủ trên cơ sở diễn biến tình hình và dự báo khí tượng, thủy văn, nguồn nước về các hồ chứa, nhu cầu phụ tải điện của hệ thống và nhu cầu khai thác, sử dụng nước trên lưu vực, phối hợp với các đơn vị liên quan tính toán, tối ưu kế hoạch huy động các nguồn điện, trong đó có thủy điện bảo đảm an ninh năng lượng, an toàn hệ thống điện và kịp thời đưa dần mực nước các hồ chứa về cao trình mực nước cao nhất trước lũ theo quy định. Trong quá trình vận hành, giảm thiểu việc gia tăng dòng chảy đột biến về hạ du, hạn chế tối đa việc phải xả thừa, gây lãng phí nguồn nước và đảm bảo hiệu quả phát điện. ❖

*Nguồn: DWRM*

## Phối hợp chỉ đạo, điều hành đảm bảo cấp nước cho hạ du sông Vu Gia - Thu Bồn

**T**rong tháng 5/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 2723/BTNMT-TNN gửi Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, các đơn vị quản lý, vận hành hồ chứa và các Nhà máy nước trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn về việc phối hợp chỉ đạo, điều hành đảm bảo cấp nước cho hạ du sông Vu Gia - Thu Bồn.

Theo đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND thành phố Đà Nẵng như sau:

Một là, chỉ đạo các cơ quan chức năng, Công ty cổ phần cấp nước Đà Nẵng và các đơn vị có liên quan chủ động triển khai phối hợp phát huy tối đa hiệu quả công suất của trạm bơm phòng mặn An Trạch và từ các nhà máy nước có nguồn nước thô không bị ảnh hưởng bởi diễn biến xâm nhập mặn (như nhà máy nước Hoà Liên, Sơn Trà, Hoà Trung,...) nhằm đảm bảo cấp nước an toàn cho sản xuất, sinh hoạt của các địa phương ở hạ du. Tránh trường hợp không đảm bảo cấp nước cho nhân dân trong khi chưa sử dụng hết công suất của các nhà máy nước khác trên địa bàn, đồng thời sử dụng nguồn nước từ các hồ chứa tiết kiệm, hiệu quả, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, đặc biệt trong các tháng còn lại của mùa cạn.

Hai là, phối hợp với UBND tỉnh Quảng Nam khẩn trương triển khai thực hiện việc đắp đập tạm Quảng Huế để điều tiết tạm thời nhằm giảm nguy cơ hạn hán thiếu nước, xâm nhập mặn vùng hạ du sông Vu Gia và sớm kiến nghị Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đầu tư xây dựng công trình đập Quảng Huế theo Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo điều tiết

nước linh hoạt cho hạ du sông Vu Gia - Thu Bồn theo từng thời kỳ và nhu cầu sử dụng nước của từng địa phương; rà soát nâng cấp và sửa đổi quy trình vận hành công trình đập An Trạch, Thanh Quýt, Bàu Nít và Hà Thanh cho phù hợp, tối ưu việc khai thác, sử dụng nước. Đồng thời, vấn đề về điều tiết, tối ưu nguồn nước sông Vu Gia, sông Thu Bồn, sông Quảng Huế,... đảm bảo nhu cầu nước của địa bàn 2 địa phương sẽ được Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục xem xét trong quá trình xây dựng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.

Ba là, phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh Quảng Nam trong công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát triển khai các hoạt động quản lý tổng hợp tài nguyên nước mang tính liên vùng nhằm phát huy được hiệu quả của Ban Điều phối quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng.

Công văn cũng nêu, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị các đơn vị quản lý vận hành các hồ chứa thủy điện A Vương, Sông Bung 2, Sông Bung 4, Sông Tranh 2, Đăk Mi 4 và các hồ chứa, đập dâng khác thực hiện việc vận hành theo quy định của quy trình vận hành liên hồ chứa. Đồng thời tiếp tục theo dõi diễn biến nguồn nước tại các hồ chứa, sông suối trên lưu vực và diễn biến xâm nhập mặn khu vực hạ lưu sông Vu Gia, phối hợp chặt chẽ với địa phương để vận hành các hồ chứa xả nước về hạ du sông Vu Gia - Thu Bồn cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng. Đối với nhà máy nước Cầu Đỏ, theo dõi chặt chẽ độ mặn tại cửa lấy nước Nhà máy nước Cầu Đỏ, mực nước sông tại trạm bơm An Trạch để sử dụng nguồn nước các hồ chứa tiết kiệm, hiệu quả. ❖

*Nguồn: DWRM*





# Triển khai việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định của Luật Tài nguyên nước

**N**gày 20/5, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 3201/BTNMT-TNN gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc tổ chức triển khai việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Theo đó, để thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất đảm bảo tính đồng bộ, liên tục theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, tuân thủ quy định của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ nước dưới đất, đảm bảo hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan và căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là UBND tỉnh) thực hiện các nội dung sau:

Đối với các tỉnh đã phê duyệt Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định của Nghị định số 167: Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, trình UBND tỉnh ban hành quyết định bãi bỏ Vùng hạn chế 3, Vùng hạn chế 4 và điều chỉnh Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất đã được phê duyệt cho phù hợp, đảm bảo phải hoàn thành và được công bố

trước ngày 01/7/2024 để triển khai thực hiện đồng bộ với ngày có hiệu lực của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 và Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. Báo cáo việc bãi bỏ các vùng hạn chế và điều chỉnh phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất nêu trên về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 01/7/2024, đồng thời, chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng để phê duyệt và triển khai thực hiện Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

Đối với các tỉnh chưa phê duyệt Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định của Nghị định số 167: Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng để phê duyệt Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 và được hướng dẫn tại Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. Trên cơ sở Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất được phê duyệt, tổ chức triển khai việc khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (nếu có trong nội dung Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất được phê duyệt) theo quy định tại các Điều 33, 34, 35, 36, 37, 38 và Điều 39 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. ❖

*Nguồn: DWRM*

## Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Mã và sông Hương

**N**gày 29/5, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 1459/QĐ-BTNMT và Quyết định số 1460/QĐ-BTNMT thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Mã và sông Hương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Quyết định số 20/QĐ-TTg và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08/01/2024).

Theo đó, trên cơ sở các nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Mã và sông Hương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với 03 nhóm nội dung chủ yếu sau đây:

**Một là, triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật tài nguyên nước:** Triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về tài nguyên nước đã ban hành; tổng hợp, đánh giá việc thực thi các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trên lưu vực sông Mã đảm bảo kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống, khắc phục tác hại do nước gây ra cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương trên lưu vực.

**Hai là, về nội dung điều hòa, phân phối, phát triển, bảo**

**vệ tài nguyên nước:** Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, mô hình số để kết nối thông tin, dữ liệu, thực hiện giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; Xây dựng phương án điều hòa, phân phối nguồn nước; Bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt ô nhiễm nguồn nước, tác hại do nước gây ra và phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông;...

**Ba là, về nội dung khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế:**

Ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh để phục vụ quan trắc, dự báo, cảnh báo, giám sát, sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm và tái sử dụng nước, quản lý, bảo vệ nguồn nước, phát triển nguồn nước, liên kết nguồn nước; Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc trao đổi, cung cấp thông tin, nghiên cứu chuyển giao khoa học về nguồn nước, công nghệ sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm, tái sử dụng nước;...

Về tổ chức thực hiện, Quyết định cũng nêu, Cục Quản lý tài nguyên nước chủ trì thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; thay mặt Bộ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch về Bộ Tài nguyên và Môi trường. ❖

*Nguồn: DWRM*



# Tăng cường quản lý tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam

Ngày 8/5, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Đặng Quốc Khánh đã chủ trì cuộc họp nghe báo cáo về tình hình quản lý tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam.

**T**ham dự cuộc họp có Thứ trưởng Lê Công Thành, lãnh đạo các đơn vị: Cục Biến đổi khí hậu, Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Vụ Môi trường, Vụ Pháp chế; Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường; Viện Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu; Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Văn phòng Bộ.

Báo cáo về tình hình quản lý tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam, ông Tăng Thế Cường, Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu cho biết, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 quy định về tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước (Điều 139) và được quy định chi tiết tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Theo đó, thị trường các-bon trong nước gồm các hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon thu được từ cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Hiện nay, Việt Nam chưa có các tiêu chuẩn riêng để hình thành cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon nội địa, tuy nhiên trong thời gian qua đã có nhiều doanh nghiệp thực hiện chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế để trao đổi trên thị trường các-bon tự nguyện quốc tế, chủ yếu là các dự án theo Cơ chế phát triển sạch (Cơ chế CDM). Thông qua các cơ chế, có khoảng 150 chương trình, dự án được cấp 40,2 triệu tín chỉ các-bon và trao đổi trên thị trường các-bon thế giới.

Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính hấp thụ từ rừng với một số quỹ lâm nghiệp như Quỹ Đối tác các-bon lâm nghiệp toàn cầu, Liên minh Giám phát thải thông qua tăng cường tài chính lâm nghiệp. Phần lớn lượng giảm phát thải đều được giữ lại đóng góp cho thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam.

Trên cơ sở tình hình phát triển thị trường các-bon trên thế giới và trong nước, Cục Biến đổi khí hậu đã đề xuất các nội dung cần triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Cụ thể, nhóm công việc chung về tổ chức và phát triển thị trường các-bon bao gồm: Ban hành quy định hướng dẫn về kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) cho các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính; xây dựng Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; Ban hành quy định, cơ chế tài chính đối với hạn ngạch và tín chỉ các-bon; Tăng cường năng lực cho các đơn vị thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.



*Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh nghe báo cáo về tình hình quản lý tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam*

Nhóm công việc về tổ chức và phát triển thị trường tuân thủ bao gồm: Hỗ trợ các cơ sở thực hiện kiểm kê khí nhà kính năm 2022, 2023 và 2024 cho các cơ sở dự kiến được phân bổ hạn ngạch phát thải KNK (nhiệt điện, sản xuất thép, sản xuất xi măng); Phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; thiết lập và quản lý sàn giao dịch các-bon; Xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của sàn giao dịch các-bon.

Nhóm công việc về phát triển thị trường tự nguyện bao gồm: Ban hành kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực; Ban hành tiêu chuẩn về tín chỉ các-bon theo từng lĩnh vực; Ban hành quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và quy định về điều chỉnh tương ứng; Kết nối, trao đổi tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới.

Tại cuộc họp, Thứ trưởng Lê Công Thành yêu cầu Cục Biến đổi khí hậu lưu ý các đề xuất để triển khai các công việc trong thời gian tới, đặc biệt là hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và triển khai Chỉ thị số Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 2/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về công tác quản lý tín chỉ các-bon nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định. Trong đó, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy nhanh nghiên cứu thiết lập Hệ thống đăng ký quốc gia để quản lý được các chương trình, dự án tạo tín chỉ, việc trao đổi tín chỉ và quản lý hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

Phát biểu chỉ đạo cuộc họp, Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh thống nhất với các ý kiến của Thứ trưởng Lê Công Thành, đồng thời, giao Cục Biến đổi khí hậu là cơ quan đầu mối để phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Bộ, địa phương để xây dựng các chương trình thực hiện quản lý tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam. ❖

**Nguồn: DWRM**



# Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính để phục vụ người dân, doanh nghiệp

Đây là chỉ đạo của Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Quý Kiên tại cuộc họp ngày 09/5 về kết quả công tác cải cách thủ tục hành chính trong thời gian qua.

**B**áo cáo tại cuộc họp, ông Phạm Tân Tuyển, Chánh Văn phòng Bộ TN&MT cho biết, trong 4 tháng đầu năm Bộ đã thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính tại 3 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm: Dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản; Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Dự thảo Nghị định quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Đồng thời, Bộ TN&MT cũng đã tổ chức thẩm định 3 dự thảo Thông tư.

Trong lĩnh vực cải cách việc thực hiện thủ tục hành chính, về cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tính đến ngày 7/5/2024, Bộ TN&MT đang xử lý tổng số 3.862 hồ sơ thủ tục hành chính, gồm 1.313 hồ sơ chuyển tiếp năm 2023 và 2.549 hồ sơ mới năm 2024. Trong đó, các đơn vị đã giải quyết và trả kết quả cấp phép cho 2.409 hồ sơ, đạt tỷ lệ hoàn thành 62,4%, với 2.388 hồ sơ trả kết quả đúng hạn (đạt tỷ lệ 97,1%) và 71 hồ sơ trả quá hạn (đạt tỷ lệ 2,9%). Hiện tại, Bộ đang tiếp tục giải quyết 1.453 hồ sơ.

Về kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến, Bộ tiếp tục vận hành, cung cấp 88 Dịch vụ công trực tuyến. Trong đó, 36 dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình. Đồng thời, Bộ đã tích hợp, cung cấp 86/88 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Từ đầu năm 2024 đến nay, Bộ TN&MT đã tiếp nhận và xử lý tổng cộng 1.876 hồ sơ giải quyết quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Về vấn đề số hoá hồ sơ, 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ TN&MT đều được trình ký số, phát hành theo quy định pháp luật về công



*Toàn cảnh cuộc họp*

tác văn thư. Đồng thời, Bộ đã thực hiện trả cả bản giấy và bản điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Về việc hợp nhất, kết nối các hệ thống phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, Bộ đã triển khai hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ; đồng thời, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Hiện tại, Bộ đang tiếp tục hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ trong dự án đầu tư Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn 1). Đồng thời, đẩy mạnh tiến độ hoàn thành việc thiết lập và kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;...

Tại cuộc họp, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ TN&MT đều đồng tình với báo cáo kết quả công tác cải cách thủ tục hành chính trong đầu năm 2024, đồng thời, đề xuất, đưa ra các kiến nghị, vướng mắc cần Thứ trưởng chỉ đạo để

tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính trong thời gian tới.

Kết luận cuộc họp, Thứ trưởng Bộ TN&MT Trần Quý Kiên đồng tình với báo cáo của Văn phòng Bộ TN&MT về công tác cải cách thủ tục hành chính thời gian qua. Thứ trưởng đánh giá việc quản lý văn bản đến và đi, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng đã được thực hiện tương đối tốt, qua đó, đề nghị các đơn vị tiếp tục đẩy mạnh, đảm bảo chất lượng hoạt động này.

Ngoài ra, tỷ lệ hoàn thành thủ tục hành chính cũng là một chỉ tiêu rất quan trọng. Đối với các lĩnh vực Môi trường, Địa chất - Khoáng sản, và một vài lĩnh vực nữa có số lượng hồ sơ nhiều, Thứ trưởng Trần Quý Kiên yêu cầu các đơn vị bố trí cán bộ, không để chậm xử lý quá lâu, trừ một vài trường hợp đặc biệt phức tạp.

Thứ trưởng Trần Quý Kiên nhấn mạnh, Bộ TN&MT đang xếp vị trí thứ 5 về cải cách hành chính, thứ 3 về chuyển đổi số, do đó, yêu cầu các đơn vị tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính để nâng xếp hạng về chỉ số phục vụ người dân. ❖



# Nghiệm thu Dự án “Điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước”

Sau hơn 8 năm triển khai, kết quả dự án “Điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước” đã tìm kiếm được các nguồn nước có trữ lượng, chất lượng đảm bảo có thể cung cấp nước cho 1,44 triệu người dân tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước thuộc 39 tỉnh, thành phố trên cả nước.

**Đ**ây là thông tin được đưa ra tại cuộc họp Hội đồng thẩm định nhiệm vụ chuyên môn hoàn thành Dự án “Điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước” diễn ra ngày 30/5 tại Hà Nội. Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước Châu Trần Vĩnh - Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định chủ trì cuộc họp.

Báo cáo tại cuộc họp, ông Hoàng Văn Hoan - Trưởng ban Điều tra tài nguyên nước thuộc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia cho biết, dự án “Điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước” thuộc Chương trình điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước được Trung tâm triển khai thực hiện từ năm 2015 đến năm 2023.

Theo đó, kết quả của Dự án đã điều tra, tìm kiếm được các nguồn nước dưới đất, xác định được trữ lượng, chất lượng và lập bản đồ tài nguyên nước dưới đất tại 277 vùng núi cao, khan hiếm nước trên địa bàn 39 tỉnh triển khai dự án; xác định được các khu vực có triển vọng để thi công các công trình khai thác nước dưới đất; các lỗ khoan khai thác có lưu lượng, chất lượng đảm bảo được kết cấu đủ điều kiện để khai thác bền vững. Dự án đã rà soát, cập nhật toàn bộ các tài liệu điều tra cơ bản về tài nguyên nước dưới đất và các tài liệu liên quan khác trên địa bàn các địa phương triển khai dự án; qua đó khoanh định các vùng có khả năng chứa nước để tiến hành điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất, các thành tạo có khả năng chứa nước đã được điều tra ở các vùng khan hiếm nước thuộc các khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, khu vực Tây Nguyên và khu vực Nam Bộ.

Dự án cũng đã đánh giá đầy đủ về hiện trạng chất lượng nguồn nước dưới đất đã được điều tra, tìm kiếm, đảm bảo cấp nước cho ăn uống sinh hoạt cho nhân dân. Theo đó tổng tiềm năng tài nguyên nước dưới đất tại các vùng trong phạm vi thực hiện là 2.632.438 m<sup>3</sup>/ngày (ng).

Cụ thể, khu vực Bắc Bộ là 607.325 m<sup>3</sup>/ng; khu vực Bắc Trung Bộ là 210.613 m<sup>3</sup>/ng; khu vực Nam Trung Bộ là 318.095 m<sup>3</sup>/ng; khu vực Tây Nguyên là 685.731 m<sup>3</sup>/ng; khu vực Nam Bộ là 810.674 m<sup>3</sup>/ng. Trữ lượng có thể khai thác nước dưới đất của các khu vực: Bắc Bộ là 215.889 m<sup>3</sup>/ng; Bắc Trung Bộ là 86.247 m<sup>3</sup>/ng; Nam Trung Bộ là 98.858 m<sup>3</sup>/ng; Tây Nguyên là 205.763 m<sup>3</sup>/ng; Nam Bộ là 120.802 m<sup>3</sup>/ng. Tổng trữ lượng có thể khai thác nước dưới đất của các vùng trong phạm vi Dự án là 727.559 m<sup>3</sup>/ng.

Dự án đã thi công 678 công trình, đủ điều kiện xây dựng 277 trạm cấp nước sinh hoạt tập trung, thuộc 39 tỉnh. Lưu



Quang cảnh cuộc họp

lượng khai thác công trình dự báo trên phạm vi các vùng điều tra đạt khoảng 144.245 m<sup>3</sup>/ng, có thể cung cấp cho khoảng 1,44 triệu người dân (với tiêu chuẩn sử dụng nước 100 lít/người/ngày).

Báo cáo Hội đồng thẩm định, ông Triệu Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia cũng cho biết, ngoài những tác động tích cực mang tính lâu dài đối với xã hội, để dự án phát huy hiệu quả cao, nguồn nước sạch nhanh chóng đến với đồng bào ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước, trong quá trình triển khai dự án, sau khi tìm kiếm được các nguồn nước dưới đất có trữ lượng lớn, chất lượng nước tốt tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia đã tổ chức bàn giao Hồ sơ kết quả của dự án cho các đơn vị liên quan gồm: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các tỉnh trong phạm vi dự án để nghiên cứu các giải pháp công nghệ khai thác nước phù hợp, xây dựng kế hoạch khai thác các nguồn nước phục vụ cấp nước sinh hoạt cho người dân tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

Tại cuộc họp, các thành viên Hội đồng cũng đã phát biểu, góp ý chi tiết nhằm tiếp tục hoàn thiện nội dung, hồ sơ sản phẩm của Dự án. Hội đồng cũng nhất trí thông qua kết quả Dự án sau khi đơn vị thực hiện tiếp thu, chỉnh sửa các góp ý của các thành viên Hội đồng trước khi trình phê duyệt.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng, Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước Châu Trần Vĩnh đề nghị đơn vị thực hiện nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý, tiếp tục hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của dự án trước khi trình lãnh đạo Bộ TN&MT xem xét, phê duyệt. ❖

Nguồn: DWRM



# KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC 2023 TẠI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

## Lai Châu

**T**hực hiện Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, ngày 10/5, UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành Kế hoạch số 1741/KH-UBND triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 trên địa bàn.

Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Tài nguyên nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lai Châu bao gồm những nội dung như sau: Quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật; Rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao trong Luật.

Về nội dung, hình thức triển khai: Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai tuyên truyền, phổ biến Luật Tài nguyên nước 2023 và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật; các quy định cụ thể hóa của tỉnh. Xác định công tác phổ biến pháp luật về tài nguyên nước phải được tiến hành thường xuyên, liên tục với nội dung thiết thực và hình thức phù hợp đối với từng đối tượng: Đăng toàn văn Luật Tài nguyên nước năm 2023, các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, của huyện, thành phố; Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; Xây dựng chuyên mục giới thiệu Luật Tài nguyên nước năm 2023 và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2023; Tổ chức các hội nghị (hoặc kết hợp) tuyên truyền, phổ biến Luật Tài nguyên nước năm 2023 và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành; phối



hợp tuyên truyền, phổ biến tại các cuộc họp ở thôn, bản với việc thường xuyên vận động nhân dân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Phát hành ấn phẩm về pháp luật tài nguyên nước, tờ rơi để phổ biến rộng rãi trong Nhân dân trên địa bàn. Tuyên truyền bằng cả tiếng phổ thông và tiếng dân tộc để phổ biến rộng rãi Luật Tài nguyên nước năm 2023 trong nhân dân;...

UBND tỉnh Lai Châu giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện hệ thống hóa, lập danh mục các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước; rà soát để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết Luật Tài nguyên nước 2023. ❖

## Lạng Sơn

**N**gày 30/5, UBND tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Kế hoạch số 122/KH-UBND triển khai thực hiện Luật Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Kế hoạch nhằm tuyên truyền, phổ biến Luật Tài nguyên nước năm 2023; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, nâng cao nhận thức cộng đồng về tuân thủ Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Tài nguyên nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn bao gồm những nội dung như sau: quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao

trong Luật, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước được giao trong Luật.

UBND tỉnh Lạng Sơn giao Sở Tài nguyên và Môi trường chuẩn bị các nội dung và điều kiện để tổ chức hội nghị quán triệt, phổ biến Luật Tài nguyên nước năm 2023 và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch ... ❖



## Hải Dương

**N**gày 27/5, UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 1227/QĐ-UBND về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 trên địa bàn tỉnh.

Về nội dung, tỉnh Hải Dương chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị quán triệt, phổ biến Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật; Tổ chức tuyên truyền Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; Tổ chức tập huấn chuyên sâu về Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật.

Đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước đảm bảo chất lượng, tiến độ theo quy định.

Căn cứ quy định của Luật Tài nguyên nước, các sở, ban, ngành của tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước được giao tại khoản 1 Điều 80 Luật Tài nguyên nước, các nhiệm vụ sau đây và các nhiệm vụ khác giao trong Luật, bao gồm: Chỉ đạo việc cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản

tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý và tổng hợp, cập nhật kết quả vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; Tổ chức rà soát chức năng nguồn nước trong quy hoạch tỉnh; xác định, công bố chức năng đối với nguồn nước mặt nội tỉnh trong trường hợp chưa có quy hoạch hoặc quy hoạch chưa thể hiện chức năng nguồn nước; Tổ chức lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; Chủ trì xác định, điều chỉnh vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh; công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh...

Cùng với đó, UBND cấp huyện có trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo quy định tại khoản 2 Điều 80 và các nội dung giao trong Luật: Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, công trình quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này; Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; Phổ biến, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn;... ❖

## Quảng Nam

**N**gày 28/5, UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Kế hoạch số 3844/KH-UBND về việc triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 trên địa bàn.

Về nội dung, tỉnh Quảng Nam sẽ tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Tài nguyên nước năm 2023 và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật. Cụ thể, trong giai đoạn 2024–2025, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh chủ động tổ chức tập huấn chuyên sâu về Luật Tài nguyên nước năm 2023, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước năm 2023 cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các Sở, Ban, ngành, cấp huyện, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND và UBND tỉnh, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản quy định về tài nguyên nước thuộc thẩm quyền ban hành,

đảm bảo phù hợp với Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Bên cạnh đó, xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2023; thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao trong Luật. Trong đó, cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý và tổng hợp, cập nhật kết quả vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Tổ chức rà soát chức năng nguồn nước trong quy hoạch tỉnh; xác định, công bố chức năng đối với nguồn nước mặt nội tỉnh trong trường hợp chưa có quy hoạch hoặc quy hoạch chưa thể hiện chức năng nguồn nước; điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước cho UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã để quản lý, bảo vệ;... ❖



# Tham vấn Lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Nhằm đánh giá đầy đủ, toàn diện các vấn đề về quản lý, bảo vệ, khai thác sử dụng tài nguyên nước, ngày 27/5, tại TP. Đà Nẵng, Cục Quản lý tài nguyên nước đã tổ chức Hội thảo tham luận lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phó Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước Ngô Mạnh Hà chủ trì Hội thảo.

**T**ham dự Hội thảo có đại diện hai địa phương Quảng Nam và TP. Đà Nẵng cùng các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực tài nguyên nước.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Phó Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước Ngô Mạnh Hà cho biết, thực hiện nhiệm vụ được giao, Cục Quản lý tài nguyên nước đã phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tại Hội thảo, Phó Cục trưởng Ngô Mạnh Hà đề nghị các đại biểu tập trung thảo luận, làm rõ các vấn đề mà lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn gặp phải và đề xuất giải pháp để có thể đưa vào trong Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm đảm bảo các yêu cầu về quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả và phân bổ hài hòa lợi ích sử dụng nước giữa các địa phương, giữa vùng thượng lưu và hạ lưu trong thời kỳ quy hoạch.

Tham luận tại hội thảo, Phó Giám đốc Sở TN&MT TP. Đà Nẵng Nguyễn Hồng An cho rằng, Báo cáo Quy hoạch tài nguyên nước Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ TN&MT công bố cho thấy Vu Gia - Thu Bồn là 1 trong 10 lưu vực sông lớn nhất Việt Nam, có tổng lượng mưa trung bình lưu vực lớn nhất Việt Nam. Thế nhưng, tài nguyên nước của TP. Đà Nẵng luôn phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng gây mất an ninh nguồn nước. Do đó, để đảm bảo an ninh nguồn nước cho thành phố, Đà Nẵng đề nghị một số giải pháp ưu tiên



*Phó Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước Ngô Mạnh Hà phát biểu chủ trì Hội thảo*

khi lập Quy hoạch là đưa vào quy hoạch nội dung khai thác nguồn nước sông Vu Gia tại thượng lưu hệ thống thủy lợi An Trạch hoặc sông Thu Bồn để cấp nước cho Đà Nẵng. Trước đó, tại quyết định số 1287/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 đã xác định nghiên cứu phân bổ nguồn nước tại sông Vu Gia hoặc sông Thu Bồn để xây dựng nhà máy nước với công suất 120.000m<sup>3</sup>/ngày đêm vào năm 2030 và nâng thành công suất 240.000m<sup>3</sup>/ngày đêm vào năm 2050. Đồng thời, thực hiện công trình điều tiết nguồn nước và chỉnh trị sông Quảng Huế nhằm ổn định tỷ lệ phân lưu giữa sông Vu Gia và sông Thu Bồn và nâng cấp hệ thống thủy lợi An Trạch (gồm các đập dâng An Trạch, Thanh Quýt, Bàu Nít, Hà Thanh). Cùng với đó, cần xác định rõ nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước; các giải pháp để bảo vệ hiệu quả nguồn sinh

thủy; phương án ứng phó khi xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước trên toàn lưu vực; phương án đảm bảo an ninh nguồn nước trên toàn lưu vực, đánh giá trên cơ sở xác định các tình huống cực đoan, bất lợi nhất xảy ra cùng một lúc...

Phó Giám đốc Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Nam Trương Xuân Tý đề xuất một số giải pháp giải quyết vấn đề tài nguyên nước tại lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn trong những năm tới và trong thời kỳ quy hoạch như: Tổ chức xây dựng chính sách, cơ chế quản lý, vận hành, điều hoà phân phối nguồn nước các hồ chứa lớn đa mục tiêu trên địa bàn tỉnh để tạo một nguồn cung cấp an toàn và hiệu quả cao nhất phục vụ các nhu cầu khai thác, sử dụng của các ngành, địa phương trong mùa cạn kết hợp với phòng chống lũ, bảo đảm duy trì chế độ dòng chảy tối thiểu trên các sông chính trong vùng.

Cùng với đó, xây dựng chính sách quy định thứ tự ưu tiên chia sẻ nguồn nước theo đối tượng sử dụng nhằm bảo



đảm lợi ích chung (sinh hoạt, chăn nuôi, thủy sản, nông nghiệp, công nghiệp...) và theo mức độ hạn hán thiếu nước.

Hoàn thiện thể chế và hệ thống các văn bản pháp luật nhằm cụ thể hóa các công tác quản lý về tài nguyên nước bao gồm việc thực hiện Luật Tài nguyên nước, ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan quản lý địa phương thi hành chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước; Xây dựng các chiến lược và quy hoạch sử dụng nước dài hạn, các kế hoạch cụ thể trong việc thực hiện các chiến lược và quy hoạch hướng đến bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên nước và môi trường; Quy hoạch phát triển nguồn nước, bao gồm các biện pháp công trình và phi công trình; gắn với việc bảo vệ, phát triển rừng và khả năng tái tạo nguồn nước.

Bên cạnh đó, ông Trương Xuân Tý cũng đề xuất, cần lập kế hoạch điều hoà, phân phối tài nguyên nước cho từng lưu vực sông trên cơ sở cân đối khả năng nguồn nước và nhu cầu khai thác, sử dụng theo lưu vực sông. Các ngành và các địa phương phải tuân thủ kế hoạch điều hoà phân phối tài nguyên nước trong lưu vực; Tăng cường công tác quản lý nhu cầu dùng nước; có cơ chế để bảo đảm dùng nước có hiệu quả cao nhất; đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức cộng đồng trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất.

Ngoài ra, ông Trương Xuân Tý cũng đề nghị Cục Quản lý tài nguyên nước cập nhật danh mục các dự án ưu tiên trong Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được ban hành theo Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14-7-2023 của Thủ tướng Chính phủ) vào Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm: đầu tư công trình điều tiết nguồn



Quang cảnh Hội thảo

nước và chỉnh trị sông Quảng Huế, đập Vĩnh Điện; nâng cấp hệ thống các đập dâng An Trạch, Thanh Quyết, Bàu Nít, Hà Thanh. Tuy nhiên, đối với công trình điều tiết nguồn nước và chỉnh trị sông Quảng Huế, không nên đặt ra mục tiêu về tỉ lệ phân lưu nước, mà chỉ cần vận hành bảo đảm cao trình mực nước cho các trạm bơm ở hạ lưu sông Vu Gia hoạt động được.

Đồng thời, cần nhắc xây dựng đập Vĩnh Điện, mà cần xem xây dựng công trình ngăn mặn trên sông Thu Bồn là tối ưu, bảo đảm cấp nước cho thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam. Bên cạnh đó, đưa vào nội dung quy hoạch đối với nhiệm vụ thành lập tổ chức quản lý, điều phối lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định vận hành, điều tiết các hồ thủy điện.

Góp ý tại hội thảo, nguyên Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng Huỳnh Vạn Thắng đề nghị thành phố Đà Nẵng xây dựng trạm bơm ở khu vực thượng lưu cầu Giao Thủy cùng hệ thống đường ống để thu nước từ sông Thu Bồn về thành phố phục vụ cấp nước sạch. Tỉnh Quảng Nam cũng cần nghiên cứu khai thác nước sông Thu Bồn để cấp cho thành phố Hội An và thị xã Điện Bàn, mà không phải xây dựng đập cứng ngăn sông Vĩnh Điện để bảo đảm tuyến giao thông thủy quan trọng trên sông này.

TS. Lê Hùng, giảng viên Khoa xây dựng công trình thủy, Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng đề nghị

các hồ thủy điện cuối sông Bung cần phát điện 1 tổ máy để duy trì thời gian xả nước với thời gian dài hơn trong ngày, thay vì xả nước nhanh để phát điện quá 2 tổ máy làm mực nước sông ở hạ lưu có biến động lớn, dẫn đến khó vận hành các máy bơm và các trạm bơm này cũng cần hạ thấp cao trình mực nước để dễ vận hành. Do tác động của các công trình nên lũ trên sông Vu Gia để lên mức báo động 3, cần xây dựng các cấp báo động lũ trên sông Yên ở thượng lưu đập dâng An Trạch vì các cấp báo động lũ ở sông Cẩm Lệ không còn phù hợp với thực tế; cần tăng dung tích phòng lũ ở các hồ thủy điện sau ngày 16-11 để chủ động điều tiết lũ...

Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy điện A Vương Ngô Xuân Thế đề nghị cần mở rộng ranh giới nước ngọt xuống hạ lưu các sông Cẩm Lệ, Vĩnh Điện, Cổ Cò để phục hồi màu xanh cho các vùng đất hai bên các sông.

Phát biểu kết luận Hội thảo, Phó Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước Ngô Mạnh Hà ghi nhận và mong các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý tiếp tục có những ý kiến đóng góp để đơn vị hoàn thiện Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với thực tế và giải quyết dứt điểm tất cả các vấn đề tồn tại của lưu vực sông này thời gian qua cũng như dưới tác động của biến đổi khí hậu trong thời gian tới. ❖





# Tăng cường an ninh nguồn nước và môi trường cho các lưu vực sông xuyên biên giới sông Mã, sông Nuen - Cả

Mới đây, Cục Quản lý tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường) và Cục Tài nguyên nước CHDCND Lào đã phối hợp đồng chủ trì cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án khu vực “Tăng cường an ninh nguồn nước và môi trường cho các lưu vực sông xuyên biên giới sông Mã, sông Nuen - Cả”.

**T**ham dự cuộc họp có ông Lê Ngọc Tuấn, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT); đại diện Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO); đại diện Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN). Cuộc họp được tổ chức theo hình thức trực tiếp và trực tuyến.

Dự án “Tăng cường an ninh nguồn nước và môi trường cho các lưu vực sông Mã, sông Cả và các vùng ven biển liên quan tại Việt Nam và Lào” được tài trợ từ Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) với tổng kinh phí là 8 triệu Đô la Mỹ và sẽ được thực hiện trong thời gian 5 năm (từ 2024 đến 2028). Trong dự án này, khoảng gần 3 triệu đô la Mỹ sẽ được dùng để thực hiện các hoạt động thí điểm ở lưu vực sông Neun (Cả) và sông Mã tại 2 quốc gia. Mục tiêu của dự án là giúp Việt Nam và Lào giải quyết vấn đề quản lý tài nguyên nước ngọt và sức khỏe hệ sinh thái ở các lưu vực sông xuyên biên giới sông Mã và sông Neun (Cả) và các vùng ven biển bằng cách tạo ra môi trường thuận lợi cho hoạt động hợp tác xuyên biên giới.

Dự án sẽ được triển khai với 5 kết quả dự kiến gồm: Đạt được sự đồng thuận giữa các quốc gia về các vấn đề nguồn nước xuyên biên giới chính; Đảm bảo an ninh nguồn nước và tính bền vững môi trường, nâng cao năng lực dự báo trên cả hai lưu vực và các vùng ven biển phụ cận thông qua các khung hợp tác xuyên biên giới và cơ chế trao đổi thông tin; Tăng cường các hoạt động hợp tác chung.



*Quang cảnh cuộc họp*

Phát biểu tại cuộc họp, Cục trưởng Quản lý tài nguyên nước Châu Trần Vĩnh cho biết, đây là dự án chung của hai quốc gia nên việc phối hợp, trao đổi chặt chẽ giữa hai nước và các tổ chức quốc tế rất là quan trọng, quyết định đến sự thành công của Dự án. Quá trình thực hiện Dự án sẽ theo văn kiện, bám sát những mong muốn của hai nước nhằm triển khai đảm bảo mục tiêu chung của dự án. Trên cơ sở đó, Cục Quản lý tài nguyên nước rất mong muốn FAO và IUCN đồng hành với hai quốc gia không chỉ trong dự án “Tăng cường an ninh nguồn nước và môi trường cho các lưu vực sông xuyên biên giới sông Mã, sông Nuen (Cả)” nói riêng mà còn những hợp tác trong tương lai sẽ có nhiều dự án hợp tác đúng kế hoạch, đúng tiến độ.

Ông Philavong Oudomsack, Cục trưởng Cục Tài nguyên nước CHDCND Lào cho biết thêm, tại sông Mã và sông Nuen - Cả dữ liệu và thông tin để quản lý tài nguyên nước gần như thiếu nên

việc triển khai các dự án là rất cần thiết nhằm hỗ trợ quản lý hiệu quả tài nguyên nước. Đồng thời, thúc đẩy quản lý môi trường và hợp tác xuyên biên giới; đưa ra những biện pháp, giải quyết vấn đề quản lý tài nguyên nước và sức khỏe hệ sinh thái ở các lưu vực sông.

Tại cuộc họp, các bên đã thống nhất nội dung về thành viên và Chủ tịch - đồng Chủ tịch của Ban Chỉ đạo Dự án khu vực, đề xuất họp một năm hai lần (dự kiến họp tiếp theo vào tháng 11/2024); thành lập Ban Thư ký.

Đồng thời, các bên cũng trao đổi, thảo luận về Báo cáo và các tài liệu về giai đoạn khởi động dự án; Thành lập Ủy ban kỹ thuật chung; Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án (PIM); Kế hoạch Giám sát và Đánh giá dự án (M&E); Thỏa thuận đối tác triển khai (OPA) giữa Cục Quản lý tài nguyên nước Việt Nam và FAO về ngân sách cho các dự án thí điểm;... ❖

**Nguồn: DWRM**



# Tìm giải pháp quản lý, giải quyết vấn đề ô nhiễm nguồn nước vùng Đồng bằng sông Hồng

Ngày 7/5, tại Hà Nội, Cục Quản lý tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã phối hợp với Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) tổ chức cuộc họp tham vấn khởi động Dự án “Tăng cường quản lý và tuân thủ thể chế tài nguyên nước nhằm giải quyết tình trạng suy giảm oxy hòa tan trong nước do chất dinh dưỡng và các chất ô nhiễm khác ở vịnh Bắc Bộ”. Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước Châu Trần Vĩnh chủ trì Cuộc họp.

**P**hát biểu tại cuộc họp, Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước Châu Trần Vĩnh cho biết, Dự án “Tăng cường quản lý và tuân thủ thể chế tài nguyên nước nhằm giải quyết tình trạng suy giảm oxy hòa tan trong nước do chất dinh dưỡng và các chất ô nhiễm khác gây ra ở Vịnh Bắc Bộ” được Cục Quản lý tài nguyên nước phối hợp cùng với Tổ chức Nông lương LHQ xây dựng. Vượt qua nhiều vòng xét duyệt, đến tháng 02 năm 2024, Quỹ Môi trường toàn cầu đã chính thức có thông báo cấp kinh phí để xây dựng văn kiện dự án hoàn chỉnh. Đây là cuộc họp tham vấn đầu tiên được tổ chức nhằm chuẩn bị cho bước xây dựng văn kiện dự án này. Dự kiến, dự án sẽ chính thức bước vào giai đoạn triển khai vào giữa năm 2025.

Cục trưởng Châu Trần Vĩnh cũng cho biết, những năm gần đây, khu vực Đồng bằng sông Hồng đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề liên quan tới tài nguyên nước, trong đó tình hình ô nhiễm nước ven biển nghiêm trọng cả về mức độ, quy mô do gia tăng lượng xả thải không được xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn vào nguồn nước. Hơn nữa, việc khai thác, sử dụng nước quá mức trong khi nguồn nước suy giảm dẫn đến căng thẳng nguồn nước trong mùa cạn và xâm nhập mặn gia tăng ở vùng ven biển. Biến đổi khí hậu tác động mạnh mẽ khiến mực nước biển dâng cao, dẫn tới ngập lụt vùng ven biển, làm đảo lộn cân bằng tự nhiên và sinh thái, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng, môi trường nước. Bên cạnh đó, hàng trăm héc-ta rừng ngập mặn có thể bị mất, các hệ sinh thái đất ngập nước ven bờ, vùng ven biển bị tác động sâu sắc...

Trước những vấn đề trên, Cục Quản lý Tài nguyên nước đã phối hợp với các bộ, ngành triển khai xây dựng dự án. Đây là dự án được xây dựng phù hợp với ưu tiên về bảo đảm an ninh tài nguyên nước của Việt Nam, đồng thời phù hợp với tiêu chí và ưu tiên của Quỹ Môi trường toàn cầu.

Tại cuộc họp, các đại biểu đã nghe bà Rosanna Keam – Giám đốc Chương trình tài nguyên nước tổng hợp của FAO giới thiệu về Quỹ Môi trường toàn cầu và Chương trình tổng hợp “Đại dương sạch và khỏe mạnh” (Clean and healthy ocean); đại diện Cục Quản lý tài nguyên nước chia sẻ tham luận “Tổng quan về Luật tài nguyên nước số 28/2023/QH15, khung chính sách pháp luật liên quan trong lĩnh vực tài



Quang cảnh cuộc họp tham vấn

nguyên nước”.

Cùng với đó, các đại biểu cũng nghe đại diện nhóm thực hiện dự án và các chuyên gia chia sẻ các tham luận về: Những thách thức trong khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước vùng đồng bằng sông Hồng; Giới thiệu về Dự án “Tăng cường quản lý và tuân thủ thể chế tài nguyên nước nhằm giải quyết tình trạng suy giảm oxy hòa tan trong nước do chất dinh dưỡng và các chất ô nhiễm khác ở Vịnh Bắc Bộ”.

Theo ông Steffen Hansen, Chuyên gia thiết kế dự án, Dự án “Tăng cường quản lý và tuân thủ thể chế tài nguyên nước nhằm giải quyết tình trạng suy giảm oxy hòa tan trong nước do chất dinh dưỡng và các chất ô nhiễm khác gây ra ở Vịnh Bắc Bộ” được xây dựng với mục tiêu cốt lõi về quản lý, giải quyết vấn đề ô nhiễm nguồn nước vùng Đồng bằng sông Hồng thông qua phương thức quản lý tổng hợp lưu vực sông, trong đó xem xét toàn diện tác động của hoạt động khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước phía thượng nguồn đến vùng hạ lưu ven biển, từ đó có các giải pháp giảm thiểu sự suy giảm ô xy hòa tan trong nước tại vịnh Bắc Bộ.

Trên cơ sở các tham luận được trình bày, các đại biểu tham dự cuộc họp đã phát biểu, thảo luận về các nội dung, thông tin liên quan tới hoạt động xây dựng văn kiện dự án, trong đó tập trung vào các chính sách và đồng tài trợ cho Dự án; Rà soát các chương trình, dự án liên quan; khung thể chế cho dự án; Kế hoạch chuẩn bị Dự án;... ❖

Nguồn: DWRM



# Việt Nam kêu gọi thúc đẩy hợp tác, bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước xuyên biên giới

Ngày 23/5, Việt Nam đã phối hợp với Slovenia, Thụy Sĩ và một số nước thành viên Liên hợp quốc (LHQ), các tổ chức quốc tế khác đồng tổ chức Sự kiện về “Ngăn ngừa tấn công nguồn nước trong xung đột vũ trang và tăng cường bảo vệ thường dân” trong khuôn khổ “Tuần lễ bảo vệ thường dân LHQ”.

**T**ại Phiên thảo luận, đại diện các nước và các tổ chức quốc tế đã đánh giá về thực trạng các cơ sở hạ tầng về nước bị tấn công trong xung đột vũ trang, đe dọa đến sự sống và hoạt động của người dân trong khu vực xung đột, cũng như chia sẻ về các thực tiễn tốt và các biện pháp để tăng cường tuân thủ luật pháp quốc tế, ngăn ngừa các bên tấn công nguồn nước và bảo vệ thường dân.

Nhiều đại diện đánh giá cao tầm quan trọng của Nghị quyết 2573 do Việt Nam giới thiệu trong nhiệm kỳ Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ 2020-2021 về Bảo vệ cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với cuộc sống của người dân trong việc bảo vệ hệ thống và cơ sở hạ tầng nước.

Đại sứ Đặng Hoàng Giang, Trưởng Phái đoàn Đại diện thường trực Việt Nam tại LHQ, phát biểu nhấn mạnh nguồn nước là một trong các yếu tố thiết yếu nhất cho sự sống và đóng vai trò quan trọng cho sinh kế và phát triển của người dân. Tình trạng phá hủy các dịch vụ và cơ sở hạ tầng về nước và hạn chế tiếp cận với nước sạch trong xung đột đã gây ra nhiều khó khăn cho cuộc sống của những người dân vô tội. Đồng thời, tình trạng ô nhiễm và thiếu hụt nước còn làm trầm trọng hơn mất an ninh lương thực, tình trạng y tế

và buộc người dân phải rời khỏi nơi ở.

Qua đó, Việt Nam đề xuất một số biện pháp để tăng cường bảo vệ nguồn nước trong xung đột vũ trang.

Trước hết, giải quyết gốc rễ của xung đột là cách tốt nhất để bảo vệ thường dân và nguồn nước, với vai trò quan trọng của Hội đồng Bảo an. Nghị quyết 2573 do Việt Nam giới thiệu là một trong các sáng kiến quan trọng trong vấn đề này và việc thực hiện cần phải được tăng cường.

Thứ hai, tất cả các bên trong xung đột vũ trang cần phải tuân thủ luật pháp quốc tế và luật nhân đạo quốc tế và phải chịu trách nhiệm với các hành động tấn công nguồn nước và cơ sở hạ tầng nước.

Thứ ba, tăng cường hợp tác về bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước xuyên biên giới cần được ưu tiên để đảm bảo quản lý hiệu quả và công bằng các nguồn nước chung, duy trì môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển bền vững, ngăn ngừa xung đột. Các cơ chế của Liên hợp quốc và cơ chế khu vực đóng vai trò thiết yếu trong thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các nước vì phát triển và thịnh vượng chung. ❖

*Nguồn: DWRM (Tổng hợp)*

## Việt Nam rất quan tâm đến tác động xuyên biên giới của các công trình thủy điện trên sông Mê Công

**T**ại họp báo thường kỳ Bộ Ngoại giao vào chiều 23/5, trả lời câu hỏi phóng viên đề nghị cho biết quan điểm của Việt Nam về tác động của các công trình thủy điện trên dòng Mê Công (14 con đập trên dòng chính, trong đó có 12 con đập của Trung Quốc) và các giải pháp của Việt Nam, Phó Phát ngôn Bộ Ngoại giao Đoàn Khắc Việt nêu rõ: Mê Công là dòng sông chung xuyên biên giới và chảy qua nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Là quốc gia hạ nguồn sông Mê Công, Việt Nam rất quan tâm đến các tác động xuyên biên giới và khả năng tích nước của các công trình thủy điện trên dòng sông này.

"Như chúng tôi đã nhiều lần nói rõ, việc phát triển và vận hành các công trình thủy điện trên sông Mê Công cần đảm bảo không gây tác động tiêu cực, bao gồm các tác

động xuyên biên giới đến môi trường, cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội, đời sống kinh tế-xã hội của các nước trên lưu vực sông Mê Công, nhất là các nước hạ nguồn và phải phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế", ông Đoàn Khắc Việt nhấn mạnh.

Việt Nam mong muốn và sẵn sàng cùng các nước liên quan tăng cường hợp tác nhằm quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn nước sông Mê Công, vừa đảm bảo hài hòa lợi ích của các nước, vừa không có tác động tiêu cực đến đời sống của người dân sinh sống trong lưu vực.

Bên cạnh đó, Ủy hội sông Mê Công quốc tế cũng có các đối tác đối thoại là các quốc gia thượng nguồn và cũng đang tích cực thúc đẩy hợp tác với các cơ chế Mekong khác. ❖

*Nguồn: DWRM (Tổng hợp)*



# Diễn đàn Nước thế giới 2024: Nước cho sự thịnh vượng chung

Diễn đàn Nước thế giới lần thứ 10 diễn ra tại Bali (Indonesia) từ ngày 18-25/5 với sự tham dự của khoảng 104 quốc gia và 35 nghìn đại biểu trong và ngoài nước.

Với chủ đề “Nước vì thịnh vượng chung”, Diễn đàn là cơ hội để các nước cùng nhau thúc đẩy việc sử dụng tài nguyên nước bền vững và hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu nước toàn cầu tăng mạnh và việc sử dụng bền vững nguồn tài nguyên nước đã trở thành một vấn đề cấp bách của thế giới.

Phát biểu khai mạc Diễn đàn, Tổng thống Indonesia Joko Widodo nhấn mạnh: “Chủ đề của Diễn đàn năm nay là “Nước cho sự thịnh vượng chung” có thể được hiểu thành 3 nguyên tắc cơ bản, đó là: tránh cạnh tranh và thúc đẩy bình đẳng; ưu tiên hợp tác toàn diện, bao gồm việc sử dụng công nghệ và tài chính đổi mới; cũng như hỗ trợ hòa bình và thịnh vượng chung. Trong đó cả ba nguyên tắc đều chỉ có thể được thực hiện bằng một từ khóa, đó là là “cộng tác”.

Với vai trò là nước chủ nhà, Indonesia là nước đưa ra nhiều sáng kiến nhất được nêu ra trong tuyên bố Bộ trưởng. Tại Phiên họp cấp cao trong khuôn khổ Diễn đàn, Tổng thống Indonesia Jokowi Widodo đề cập 4 sáng kiến lớn: “Sáng kiến đầu tiên là thành lập Ngày Hồ Nước Thế giới. Thứ 2 là Indonesia đang khuyến khích thành lập một Trung tâm Xuất sắc COE (nhằm tạo ra những đơn vị hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, và đổi mới ở trình độ cao) ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Theo sáng kiến thứ ba, Indonesia khuyến khích quản lý nước bền vững ở các quốc đảo nhỏ, trong khi sáng kiến thứ tư liên quan đến việc thúc đẩy hơn 100 dự án về nước”.

Với sáng kiến thành lập Ngày Hồ thế giới, đây là di sản quan trọng của Diễn đàn Nước thế giới vì cho đến nay



Diễn đàn có sự tham dự của đại diện 108 quốc gia và 30 tổ chức quốc tế

việc bảo vệ các nguồn tài nguyên hồ ít được quan tâm. Việc thành lập ngày Hồ thế giới sẽ giúp nâng cao nhận thức của thế giới về vấn đề này.

Ngoài ra còn có các sáng kiến của nhiều quốc gia thúc đẩy việc quản lý nguồn nước như Fiji, Indonesia thúc đẩy việc thành lập Quỹ nước toàn cầu để giúp phát triển khả năng tiếp cận nước sạch cho nhu cầu của con người ở các nước đang phát triển và khu vực Thái Bình Dương. Hiện nay, có 2,2 tỷ người trên thế giới không được tiếp cận với nước sạch. Quỹ Nước toàn cầu, dự kiến đáp ứng các nhu cầu về cơ sở hạ tầng nước, giảm khủng hoảng hoặc thảm họa liên quan đến nước và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đây sẽ là những biện pháp cụ thể để khắc phục các vấn đề về nước trên thế giới.

Tổng Thư ký Liên hợp quốc Antonio Guterres nhận định rằng, nước xứng đáng được đặt vào vị trí trung tâm trong chương trình nghị sự chính trị toàn cầu. Theo các chuyên gia từ Viện Nước quốc tế Stockholm (Thụy Điển), dù hành động của mỗi cá nhân trong bảo vệ nguồn nước là quan trọng, song, để có được sự thay đổi bền vững, cần có

những hiệp ước ràng buộc về mặt pháp lý và các chính phủ phải cam kết thực hiện mục tiêu bảo vệ tài nguyên nước.

Diễn đàn Nước thế giới lần thứ 10 tại Bali ghi nhận lần đầu tiên trong lịch sử của tổ chức này khi đưa ra một tuyên bố cấp bộ trưởng bao gồm 16 điểm đồng thuận. Trong số này có 3 điểm nằm trong chương trình nghị sự ưu tiên của Indonesia, bao gồm việc thành lập trung tâm về an ninh nguồn nước và khí hậu, lồng ghép các vấn đề quản lý nước cho các nước đang phát triển trên các đảo nhỏ và đưa ra Ngày Hồ thế giới.

Cùng ban hành với bản tuyên bố của Bộ trưởng là bản tóm tắt 113 dự án trị giá 9,4 tỷ USD dự kiến sẽ được hiện thực hóa để mang lại lợi ích cho cộng đồng.

Đại diện chính phủ Indonesia thông báo sẽ thành lập giải thưởng nước thế giới Bali nhằm tôn vinh vai trò của thế hệ trẻ trong nghiên cứu và đóng góp cho ngành nước thế giới.

Tiếp theo thành công của Diễn đàn Nước thế giới tại Bali, Indonesia, Diễn đàn Nước thế giới lần thứ 11 sẽ được tổ chức tại Saudi Arabia vào năm 2027. ❖

Nguồn: DWRM (Tổng hợp)

# Báo cáo tiến độ Chương trình hành động vì nước

**H**ội đồng Kinh tế - Xã hội Liên hợp quốc (Economic and Social Council - ECOSOC) vừa công bố báo cáo tiến độ và bản đồ toàn diện về Chương trình hành động vì nước - Sáng kiến quan trọng xuất phát từ lời kêu gọi tại Hội nghị về Nước năm 2023 của Liên Hợp Quốc về các cam kết tự nguyện nhằm thúc đẩy các hành động hướng tới đạt được các mục tiêu về nước và vệ sinh, đáng chú ý nhất là Mục tiêu phát triển Bền vững số 6 “Đảm bảo sự sẵn có và quản lý bền vững nguồn nước và cải thiện các điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người”.

Cho đến nay, Chương trình hành động vì nước đã có hơn 830 cam kết, phản ánh sự huy động toàn cầu đáng kể và nâng cao tham vọng hướng tới tăng cường quản lý nước và vệ sinh.

Mục đích của việc xây dựng bản đồ và báo cáo tiến độ là tạo nền tảng vững chắc để hiểu rõ bối cảnh hiện tại của các cam kết trong Chương trình Hành động vì Nước, những thách thức phải đối mặt và tiến bộ đạt được. Các



tác giả đã thực hiện một cuộc khảo sát và nhận được phản hồi từ 280 người đã cam kết.

Báo cáo cho thấy, một tỷ lệ đáng kể các cam kết còn đang ở giai đoạn mới triển khai hoặc trung gian, đồng thời có sự phân bố rộng rãi về mặt địa lý của các cam kết và sự tham gia mạnh mẽ của các bên liên quan từ chính phủ, tổ chức phi chính phủ, khu

vực tư nhân, tổ chức học thuật và cộng đồng địa phương, cùng nhiều tổ chức khác.

Tuy nhiên, báo cáo này nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết về tăng cường tài trợ, tạo môi trường thuận lợi và tăng cường năng lực, đòi hỏi nỗ lực tăng cường hợp tác quốc tế và chia sẻ, trao đổi kiến thức. ❖

*Nguồn: DWRM (Dịch)*

## Khóa học mở về bình đẳng giới, khuyết tật và hòa nhập xã hội

**V**ấn phòng khu vực Đông Nam Á của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) gần đây đã triển khai khóa học trực tuyến “Lồng ghép bình đẳng giới, khuyết tật và hòa nhập xã hội (GEDSI) vào vấn đề nước sạch, nhà vệ sinh cơ bản và thực hành vệ sinh tốt (WASH) tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe. Các khóa học được cung cấp miễn phí, có thể có thể truy cập qua nền tảng trực tuyến OpenWHO.

Khóa học đưa ra tám bước thực tế để cải thiện thực hành WASH tại các cơ sở y tế, đặc biệt tập trung vào các nhóm yếu thế như phụ nữ, trẻ em gái và người khuyết tật.

Dịch vụ WASH kém làm ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc sức khỏe. Khóa học nhằm mục đích nâng cao năng lực cho các chuyên gia y tế, các nhà hoạch định chính sách và các học viên về các chiến lược nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận phổ cập với dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng.



Khóa học kéo dài khoảng hai giờ và người tham gia sẽ học về tầm quan trọng của GEDSI trong WASH tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe; làm thế nào GEDSI có thể được tích hợp vào tám bước thực tế để đạt được khả năng tiếp cận phổ cập tới dịch vụ chăm sóc có chất lượng. ❖

*Nguồn: DWRM (Dịch)*

# Nâng cao nhận thức về giá trị tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm cho học sinh Hà Nội

Ngày 10/5, tại Hà Nội, Viện Khoa học Tài nguyên nước đã tổ chức Hội thảo tổng kết nghiệm thu sáng kiến “Nâng cao hiểu biết về giá trị tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm và tái sử dụng nước trong sinh hoạt cho đối tượng học sinh tại Hà Nội”.



TS. Nguyễn Anh Đức, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Tài nguyên nước phát biểu tại Hội thảo

Các đại biểu tham dự chụp ảnh lưu niệm tại Hội thảo

Sáng kiến do Viện Khoa học tài nguyên nước thực hiện từ tháng 6/2023 đến tháng 4/2024. Ba trường liên cấp tại Hà Nội thực hiện thí điểm sáng kiến này gồm: Trường Tiểu học & Trung học cơ sở & Trung học phổ thông Khương Hạ; Trường Trung học cơ sở & Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm; Trường Quốc tế Dewey.

TS. Nguyễn Anh Đức, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Tài nguyên nước cho biết, sáng kiến “Nâng cao hiểu biết về giá trị tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm và tái sử dụng nước trong sinh hoạt cho đối tượng học sinh tại Hà Nội” thực hiện nhằm góp phần nâng cao hiểu biết về tài nguyên nước, các quy định sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả trong sinh hoạt.

Từ đó hình thành hành vi sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả trong các học sinh, lan tỏa thông điệp đến nhà trường, gia đình và khu vực các em sinh sống.

Ngoài ra, kết quả của sáng kiến cũng tham mưu cho cơ quan quản lý về thực trạng sử dụng nước sinh hoạt tại Hà Nội và các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm và tái sử dụng nước trong sinh hoạt tiềm năng.

T.S Nguyễn Anh Đức chia sẻ, sáng kiến được triển khai thí điểm tại ba trường học nói trên đã đạt kết quả tốt, qua đó, xây dựng được chương trình nâng cao nhận thức cung cấp kiến thức về giá trị tài nguyên nước, các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm và tái sử dụng nước trong sinh hoạt cho 3 cấp học.

Các nhà trường được hướng dẫn sử dụng phần mềm để nâng cao hiểu biết về giá trị tài nguyên nước, các biện pháp

sử dụng nước tiết kiệm và tái sử dụng nước trong sinh hoạt hằng ngày cho học sinh, giáo viên và gia đình tại Hà Nội. Quá trình thực tế triển khai sáng kiến cũng đã đóng góp nhiều ý kiến tham mưu cho cơ quan quản lý về thực trạng sử dụng nước sinh hoạt tại Hà Nội và các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm cũng như việc tái sử dụng nước trong sinh hoạt.

Với mục tiêu ban đầu đề ra, sáng kiến đã tác động đến 1.050 trẻ em, 600 phụ nữ (bao gồm giáo viên nữ và phụ huynh nữ) và 400 giáo viên, phụ huynh nam qua những hoạt động trực tiếp và lan tỏa gián tiếp từ các em học sinh. Đến nay, số lượng người được tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp vào dự án đã vượt xa con số 2.050 người. Điều đó góp phần khẳng định tầm quan trọng, sức thu hút và lan tỏa của hoạt động bảo vệ tài nguyên nước nói chung và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nước sinh hoạt tại Hà Nội nói riêng.

Đánh giá hiệu quả và sức lan tỏa của Dự án, bà Nguyễn Minh Hằng, đại diện Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp cho rằng, đây là một sáng kiến hữu ích, giáo dục về sử dụng hợp lý tài nguyên nước, từ đó tạo nên được nhận thức công dân về tài nguyên nước. Đặc biệt, việc triển khai sáng kiến là một phương thức tổ chức thi hành pháp luật rất hữu ích, giúp cho việc thực thi pháp luật đi vào cuộc sống, đi vào cộng đồng một cách dễ dàng, dễ hiểu, đóng góp quan trọng trong nâng cao nhận thức về các biện pháp sử dụng tiết kiệm nước, tái sử dụng nước sinh hoạt hằng ngày góp phần tăng cường hiệu quả của các quy định trong Luật Tài nguyên nước. ❖